

## *Chương ba*

# **TỪNG BƯỚC TÁI LẬP VÀ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY (1954-1965)**

## **I. QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LẠI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI (1954-1960)**

**1. Nhận thức đúng đắn chủ trương của Đảng  
trong quá trình xây dựng lại lực lượng vũ trang  
theo yêu cầu tự vệ, giữ gìn và phát triển lực  
lượng cách mạng**

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục, Đảng bộ Thủ Biên thi hành Hiệp định Genève về Đông Dương theo tinh thần “đi, ở đều là nhiệm vụ, đều vinh quang”, “hai năm sau sẽ tổng tuyển cử thống nhất đất nước”, đồng thời để cảnh giác với tình huống xấu, hầu hết

lực lượng vũ trang và gần phân nửa lực lượng dân chính Đảng tập kết, một số lượng quan trọng cán bộ, chiến sĩ được bố trí ở lại<sup>1</sup>, đồng thời theo chỉ đạo của Trung ương Cục có một số lớn vũ khí được bí mật chôn giấu.

Để phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới, tháng 10 năm 1954, Trung ương Cục miền Nam giải thể, Xứ ủy Nam Bộ và các liên Tỉnh ủy miền Đông, miền Trung, miền Tây Nam Bộ được thành lập. Liên Tỉnh ủy miền Đông do đồng chí Phan Đức làm Bí thư. Xứ ủy xác định phương châm hoạt động sắp tới: Kết hợp công tác bí mật và công tác công khai, nửa công khai, tổ chức và hoạt động của Đảng phải hết sức bí mật, tổ chức và hoạt động của quần chúng thì cần lợi dụng các hình thức công khai.

Sau khi hoàn thành việc chuyển quân tập kết, nhân dân Biên Hòa thực sự bước vào cuộc đấu tranh đối mặt với kẻ thù mới, trước mắt là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, đấu tranh dân sinh, dân chủ. Để tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh, các tổ chức quần chúng cũng được sắp xếp lại dưới danh nghĩa công khai: Hội đèn, Hội đá banh, Hội múa lân, Hội đình chùa, Hội dân ca,...

Cuối năm 1954, Xứ ủy Nam Bộ quyết định tách tỉnh Thủ Biên thành hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh ủy Biên Hòa do đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư, Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư. Đầu năm

---

<sup>1</sup> Theo báo cáo của Xứ ủy, riêng ở tỉnh Biên Hòa số cán bộ được bố trí ở lại là 1.958 người.

1955, Xứ ủy điều đồng chí Vũ Ngọc Hồ về làm Bí thư, Phạm Văn Thuận làm Phó Bí thư. Một thời gian ngắn sau đó đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư.

Sau khi ổn định xong bộ máy lãnh đạo các cấp, Tỉnh ủy ra nghị quyết tổ chức hoạt động, phương châm, phương pháp công tác quần chúng, xây dựng các tổ chức công khai, bán công khai trong tình hình mới. Tỉnh ủy chỉ đạo cần khắc phục 3 lệch lạc về công tác tư tưởng: *Không nhận thức được thắng lợi của hiệp định chiến, không tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng; không thấy rõ công tác chính trị hiện nay là khí giới duy nhất của Đảng để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, tranh thủ thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ.* Tỉnh ủy cũng chỉ rõ cần khắc phục 3 khuynh hướng ngăn cản sự thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng: *Tư tưởng cầu an dao động, sợ gian khổ, sợ nguy hiểm đến tính mạng của mình; tư tưởng phiêu lưu khinh thường khủng bố của địch, thiếu cảnh giác trước âm mưu khiêu khích của địch; tư tưởng công thân, cá nhân anh hùng trong Đảng.* Các tài liệu học tập chủ yếu: *“Tình hình nhiệm vụ mới”, “Năm bước công tác”, “Đạo đức cách mạng và khí tiết người Cộng sản”.*

Chính quyền Diệm vừa được Mỹ dựng lên đã triển khai ngay kế hoạch loại trừ các thế lực thân Pháp, ra sức xây dựng các cơ cấu chính trị, quân sự của bộ máy thống trị tay sai Mỹ, đồng thời chuẩn bị bước cơ bản tiếp theo là triển khai chính sách “tố cộng” với hai giai đoạn (từ 7-1954 đến 7-1956 và từ 7-1956 đến cuối 1959) nhằm vào đối tượng chính là lực lượng và phong trào

cách mạng ở miền Nam với biện pháp toàn diện quân sự, kinh tế, chính trị, tâm lý...

Chính sách “tố cộng” ngay từ những bước đầu triển khai đã bộc lộ nội dung thực của nó là “diệt cộng” với mức độ khốc liệt ngày càng tăng. Giữa năm 1956, khi cuộc thanh trừng của Diệm nhằm vào các thế lực thân Pháp, đặc biệt tập trung vào các lực lượng vũ trang giáo phái, Bình Xuyên đang diễn ra quyết liệt, Xứ ủy đã triển khai mũi binh vận theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương “lợi dụng mâu thuẫn Mỹ - Pháp, Diệm - Bảo Đại, tranh thủ duy trì lực lượng giáo phái ly khai gây khó khăn và làm suy yếu lực lượng của Diệm”. Chủ trương này đã mở đường cho nhiều cấp ủy, Đảng bộ địa phương từ miền Tây cho đến miền Đông Nam Bộ vừa triển khai công tác binh vận trong các lực lượng Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên vừa tranh thủ nhen nhóm lực lượng vũ trang ngụy trang dưới danh nghĩa giáo phái, Bình Xuyên, tuy đã vượt mục tiêu đặt ra là khoét sâu mâu thuẫn địch, nhưng lại phù hợp với yêu cầu tự vệ, giữ gìn lực lượng, được Xứ ủy đồng tình.

Ở Biên Hòa, Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm) được cử về cùng Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa Phạm Văn Thuận, xuống rừng Sác vận động, thuyết phục được một bộ phận lực lượng Bình Xuyên kéo lên Chiến khu Đ theo cách mạng, một bộ phận khác lẩn tránh ở vùng Bà Rịa, Long Khánh. Hoàng Tam Kỳ được cử làm Bí thư Tỉnh ủy thay Phạm Văn Thuận được Xứ ủy cử làm Bí thư Đảng ủy lực lượng Bình Xuyên. Đảng ủy này có nhiệm vụ xây dựng lực lượng Bình Xuyên nói trên thành một bộ phận lực lượng

vũ trang cách mạng. Nội dung giáo dục chính trị lúc bấy giờ tập trung xây dựng lòng căm thù Mỹ, tay sai, xây dựng ý chí, lòng tin sẽ có ngày Đảng cho phép vũ trang chống Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam.

Đầu năm 1956, ở Biên Hòa còn lại một trung đội Bình Xuyên của Mười Đôi. Tỉnh ủy Biên Hòa nhanh chóng cử một cán bộ binh vận là Ba Thanh vào nắm ngay lực lượng này; đồng thời Tỉnh ủy tuyển chọn 18 thanh niên cốt cán ở các xã Phú Hữu, Phước Khánh, Tam An, Phú Hội,... (huyện Long Thành) đưa vào làm nòng cốt, xây dựng thành một trung đội vũ trang đầu tiên của tỉnh (sau 1954) do Châu Văn Phú<sup>1</sup> chỉ huy. Sau đơn vị chuyển về đứng chân ở Hố Dịch, trở thành đội vũ trang của Bà Rịa do Nguyễn Quốc Thanh chỉ huy. Về hoạt động vũ trang tự vệ trong hoàn cảnh “tức nước vỡ bờ”, năm 1955 ở Biên Hòa đã xảy ra vụ chi bộ xã Hiệp Hòa tổ chức diệt hai tên gián điệp của ty công an Biên Hòa; vụ chi bộ xã Tam Hiệp tổ chức diệt Cò Phước cảnh sát xã. Năm 1956, đội vũ trang “Bình Xuyên” do Ba Thanh chỉ huy bắn cối 60 ly vào đồn bảo an Long Thành để “cảnh cáo” Diệm tổ chức bầu cử riêng lẻ. Đầu năm 1957, một số đảng viên tổ chức diệt tên Sự ác ôn khét tiếng có nhiều nợ máu ở các xã vùng ven thị xã Biên Hòa. Tuy nhiên Tỉnh ủy Biên Hòa phê bình vụ này là manh động, trái với chủ trương của Đảng<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Nội tuyến của ta trong bảo an bị lộ, tổ chức diệt tên đội Lạc và đưa đơn ra tham gia cách mạng.

<sup>2</sup> *Lịch sử lực lượng vũ trang Đồng Nai 1945-1975*, Nxb QĐND. Nay có ý kiến phủ nhận vụ ở xã Hiệp Hòa 1955.

Cuối năm 1956, thực hiện chỉ thị HBC của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương “điều lắng”, đưa cán bộ, đảng viên ở rừng ra ở hợp pháp bám dân và chuyển vùng cho những cán bộ bị lộ. Liên Tỉnh ủy miền Đông ra tiếp chỉ thị: *“Chủ yếu là đấu tranh chính trị, tuyệt đối không được dùng vũ trang, tránh manh động”*. Đa số cán bộ, đảng viên ở Biên Hòa nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị. Nhưng do quá bức tức, có vài nơi (như Thiện Tân, Tam Hiệp), cán bộ, đảng viên tự động diệt vài tên công an ngầm, và bị kiểm điểm, kỷ luật.

Tháng 8 năm 1956, *“Đề cương cách mạng miền Nam”* do đồng chí Bí thư Lê Duẩn biên soạn ra đời, được bàn thảo đến cấp Liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy. Tuy chưa nói đến vũ trang, chưa phải là nghị quyết (còn là tài liệu để Trung ương tham khảo), nhưng tinh thần.. *cách mạng không có con đường nào khác là con đường bạo lực để đánh đổ chế độ tay sai Mỹ ở miền Nam*, đã tạo ra một sinh khí mới trong Xứ ủy, các Liên Tỉnh ủy và Tỉnh ủy và từ đó đi đến “Nghị quyết miệng” tháng 12 năm 1956 của Xứ ủy: *“... Đấu tranh chính trị đơn thuần thì không được, đấu tranh vũ trang thì thời cơ chưa cho phép. Đấu tranh chính trị phải có vũ trang tự vệ, phải có lực lượng vũ trang thích hợp làm công tác vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ lực lượng đấu tranh chính trị”*.

Những tư tưởng, chủ trương nói trên đã tiếp cận yêu cầu bức bách của quần chúng, nhưng trên thực tế việc phổ biến đến các Đảng bộ địa phương không được chính thức hóa, trong lúc những điều chính thức được phổ biến vẫn là những điều cấm, là chỉ thị 4HBC “điều

lắng” (từ giữa năm 1956 thi hành cho đến khi có Nghị quyết 15 các địa phương mới tập hợp cán bộ điều lắng trở về), là những vụ”kiểm điểm”, kỷ luật vẫn tiếp tục, tổn thất của lực lượng cách mạng vẫn tiếp tục tăng lên. Riêng ở Biên Hòa, sau Hiệp định Genève 1954 có 1.218 đảng viên, đến cuối năm 1956 còn không tới 100. Đảng bộ Xuân Lộc hầu như bị phá rã, bị tê liệt hoàn toàn.

Dù có “*Đề cương cách mạng miền Nam*” tạo chỗ dựa tinh thần, Xứ ủy và các Liên Tỉnh ủy, các Tỉnh ủy đều phải nghiêm túc chấp hành đường lối của Đảng. Riêng Xứ ủy một mặt chỉ đạo các địa phương chấp hành nghiêm túc đường lối Đảng, mặt khác lại linh hoạt, vừa tích cực đề đạt ra Trung ương những vấn đề bức xúc, vừa triển khai xây dựng căn cứ và thành lập một số đơn vị võ trang. Giữa năm 1956, cùng với việc khước từ tổng tuyển cử, hô hào “Bắc tiến”, “lấp sông Bến Hải”, địch còn huy động lực lượng chủ lực thực hiện các chiến dịch đàn áp, truy quét lực lượng cách mạng và yêu nước trong đó có chiến dịch Trương Tấn Bửu ở miền Đông (10.7.1956-24.2.1957). Để tự cứu mình, đảng viên, cán bộ, cấp ủy nhiều địa phương, quần chúng yêu nước không còn cách nào khác là tự vệ vũ trang. Nhiều chủ trương “linh hoạt” của cấp ủy, Đảng bộ địa phương lại tạo thành sự kiện có tác động tích cực, hạn chế thiệt hại, hạn chế thoái trào. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (Biên Hòa, 12-1956) là một trong những vụ việc như vậy. Tính đến tháng 11 năm 1956, nhà tù này (địch gọi là “Trung tâm huấn chính Biên Hòa”), số tù nhân đã lên đến 2.368 người trong đó có hơn 300 đảng viên, cán

bộ, nhiều nhân sĩ, trí thức có danh tiếng ở Nam Bộ, Đảng ủy nhà lao được thành lập, đồng thời xuất hiện hai luồng ý kiến: hoặc chờ mãn hạn “câu lưu” ra tù, hoặc kiên quyết đấu tranh, dùng bạo lực thoát tù. Một số thành viên trong Đảng ủy nắm được đề cương “*Đường lối cách mạng miền Nam*”, từ đó một kế hoạch dùng bạo lực thoát tù hình thành với tình thần không giết một tên lính nào để hạn chế việc địch trả thù. Kế hoạch được báo cáo và được chấp thuận của Ban Binh vận Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy và Tỉnh ủy Biên Hòa.

Kế hoạch chu đáo, tỉ mỉ, thực hiện đúng thời cơ, tuy diễn biến phức tạp buộc phải nổ súng, nhưng nhanh, gọn. Có 462 tù nhân thoát được, mang theo 42 súng, hy sinh 22 người.

Khi những người thoát tù chạy đến rừng Tân Định (Vĩnh Cửu), Đảng ủy nhà lao quyết định thành lập mỗi tỉnh một chi bộ, phân tán về địa phương. Số súng cũng được chia theo nhiều bộ phận, trở thành “vốn liếng” đầu tiên quý giá của nhiều nhóm vũ trang tự vệ hình thành trong đấu tranh chính trị ở nhiều địa phương, trong đó có 12 súng cho “C12” của Chợ Lớn ở Rừng Sác.

Vụ vũ trang vượt ngục ở Biên Hòa trở thành một trong những sự kiện cổ vũ hoạt động vũ trang tự vệ ở nhiều địa phương, trước hết là ở các tỉnh miền Đông.

Tháng 12 năm 1956, từ “Nghị quyết miệng” Xứ ủy họp ra Nghị quyết chính thức: “*Do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong chừng mực nào đó cần có lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ*



cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ Diệm... Tích cực, xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật xây dựng căn cứ rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp lực lượng giáo phái Mỹ - Diệm đánh tan đứng vào hàng ngũ nhân dân lấy danh nghĩa giáo phái ly khai để diệt ác ôn”<sup>1</sup>.

Năm 1957 các Đảng bộ, cấp ủy địa phương ở miền Đông đều chịu ảnh hưởng, tư tưởng vũ trang từ sự hình thành những “cái túi”, lõm căn cứ, sự ra đời các đơn vị ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Tây Ninh.. cũng như chủ trương của Xứ ủy về việc xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang (điều động chỉ Nguyễn Hữu Xuyên từ miền Tây lên miền Đông để xây dựng lực lượng vũ trang). Đầu năm 1958, ở Biên Hòa, một số cán bộ, đảng viên “điều lắng” ở Chiến khu Đ (Huê, Đảo, Hoa, Lũy, Bé..) móc nối, liên lạc với đội vũ trang của Trần Văn Quý (có từ trước) thành lập C250, một đơn vị vũ trang của miền Đông Nam Bộ. Giữa năm 1958, tại ngã ba suối Quýt, đội vũ trang Bà Rịa do Vũ Tâm chỉ huy và đội vũ trang Long Thành (Biên Hòa) do Nguyễn Quốc Thanh chỉ huy hợp nhất thành một đơn vị lấy tên là *bộ đội 40* do Lê Thành Công làm chỉ huy trưởng, Nguyễn Quốc Thanh làm chỉ huy phó.

Các đơn vị được thành lập đều được học tập chính trị, quân sự rồi phân tán, bám đồng bào kinh thương ở vùng rừng núi để xây dựng căn cứ, lõm căn cứ. Công tác

---

<sup>1</sup> Trích Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ tháng 12-1956. Lưu Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng. Tỉnh ủy Đồng Nai.

đảng, công tác chính trị thời kỳ này là hoạt động đơn lẻ từng bộ phận, gắn chặt với hoạt động công tác quần chúng của từng nhóm, từng tổ, đòi hỏi tính chủ động và sáng tạo cũng như sự đồng cam cộng khổ giữa cán bộ chiến sĩ, xây dựng cả khí tiết và lòng tin, chí quyết tâm.

Thực hiện chỉ thị của Xứ ủy về tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền, tháng 3 năm 1957, Tỉnh ủy Biên Hòa tập hợp một số cán bộ, đảng viên, đoàn viên lộ và một số cán bộ, chiến sĩ vượt ngục ở trại Tân Hiệp thành lập đại đội vũ trang tuyên truyền, lấy phiên hiệu là Đại đội 250 (C250, còn gọi là C380 mang danh nghĩa Bình Xuyên ly khai). Từ trên 60 cán bộ, chiến sĩ ban đầu biên chế thành 2 trung đội, C380 được bổ sung chiến sĩ mới (trong đó có 10 chiến sĩ từ Long Thành lên), quân số lên 120, tổ chức thành 3 trung đội<sup>1</sup>.

Ban chỉ huy gồm các đồng chí: Huỳnh Văn Viên (Ba Viên) - Đại đội trưởng, Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) - Chính trị viên, Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) và Bảy Phú - Đại đội phó. Vũ khí trang bị gồm một số súng lấy được trong cuộc vượt ngục Tân Hiệp và một số súng được chôn giấu từ năm 1954 được moi lên. Đơn vị có tổ chức Đảng, Đoàn và sinh hoạt Đảng, Đoàn chặt chẽ, địa bàn đứng chân chủ yếu ở các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), hoạt động vũ trang tuyên truyền

---

<sup>1</sup> Viết theo *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai 1945-1955. Sdd.* Theo sách *Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng*. BCH Đảng bộ tỉnh Đồng Nai: khi triển khai đồng khởi (2-1960) lực lượng vũ trang của tỉnh có 1 trung đội (bảo vệ căn cứ), đến lúc này mới thành lập đại đội 380.

ở các xã ven Chiến khu Đ, mở rộng sang vùng huyện Vĩnh Cửu, xuống các xã phía nam huyện Tân Uyên.

Sau chiến dịch Trương Tấn Bửu địch lại mở tiếp chiến dịch Nguyễn Trãi (24.4.1957-20.11.1958) đánh phá lại 8 tỉnh miền Đông. Các đợt “tố cộng” ngày càng trở nên quyết liệt. Hàng trăm cán bộ, đảng viên, cơ sở lại sa vào tay giặc. Tỉnh ủy Biên Hòa lại phải đưa nhiều cán bộ đi “điều lắng”. Số này dạt ra rừng, xây dựng các lōm căn cứ ở Long Thành, Nhơn Trạch, rừng Sác, lộ 2... Xứ ủy chỉ đạo hồi phục các căn cứ Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu.

Cuối năm 1957, Xứ ủy chủ trương tập hợp thống nhất lực lượng vũ trang miền Đông, thành lập các đại đội 60, 50, 70, C200, C300, C1000 (An toàn khu), các đơn vị đặc công C80A, C80B; ngoài ra còn 3 đại đội Bình Xuyên ly khai do Đảng nắm. Đại đội 50 xây dựng căn cứ ở Bù Cháp, Lý Lịch, Biên Hòa, gắn bó với đồng bào dân tộc Chơ Ro, Stiêng. Đến giữa năm 1958, đại đội 60 tách ra một trung đội về Chiến khu Đ hợp nhất với các đội vũ trang của tỉnh Biên Hòa thành lập đại đội 250 (C250 của miền Đông). Như vậy, trên địa bàn Biên Hòa đến lúc này, bên cạnh một số đơn vị của Miền, là đại đội 380 của tỉnh; một số tổ vũ trang huyện thị, tự vệ mật, du kích mật ở nhiều xã lần lượt được nhen nhóm<sup>1</sup>.

Giữa năm 1958, Bộ Tư lệnh miền Đông được thành lập gồm: Nguyễn Hữu Xuyến - Chỉ huy trưởng; các Chỉ

---

<sup>1</sup> *Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng*- Sách đã dẫn.

huy phó: Nguyễn Thước (Lâm Quốc Đăng), Lê Văn Dọn (Lê Thanh). Đảng ủy Quân khu miền Đông gồm: Mai Chí Thọ (Bí thư), Nguyễn Việt Hồng, Trọng Nhân.

Năm 1959 trên địa bàn Biên Hòa lại ra đời đơn vị C9 (đến cuối 1959 C9 và C50 hợp thành C59).

Thời gian này, Mỹ triển khai việc xây dựng xa lộ Biên Hòa, cho xe ủi ủi phá đường Ba Đình nằm trong vùng kháng chiến cũ. Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định thành lập Ban chỉ đạo chống làm xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn do Tỉnh ủy viên Hai Nam làm trưởng ban, Ủy viên thường vụ huyện Vĩnh Cửu Phan Văn Trang làm ủy viên, trực tiếp lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống phá ủi địa hình, phá mô mả. Với khẩu hiệu “*sống có nhà thác có mô*”, “*mô mả tổ tiên kẻ nào ủi phá phải đền tội*”, hàng trăm bà con tay cầm dao, rựa cuốc xẻng, vây chặt bọn ủi phá. Một bác nông dân cầm dao xóc tới khiến tên Mỹ hoảng sợ bỏ chạy. Cuộc đấu tranh kéo dài buộc địch tạm ngưng kế hoạch ủi phá mô mả 3 tháng, sau đó chúng phải thương lượng bồi thường tổn phí bốc mô mả.

Năm 1958, địch phản kích mạnh, tiếp tục chiến dịch Nguyễn Trãi và bổ sung với chiến dịch Hồng Châu trên chiến trường miền Đông với mức độ ác liệt hơn. Năm 1959, chế độ Ngô Đình Diệm phát xít hóa cực độ, chúng ban hành luật 10/59 quy định hai mức án là tử hình và khổ sai chung thân, tịch thu một phần hoặc toàn bộ gia sản những người đã phạm hay toan phạm “tội phá hoại, xâm phạm an ninh quốc gia”. Lợi dụng cái gọi là “tội xâm phạm an ninh quốc gia” thực tế chúng đã

“đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”<sup>1</sup>. Lực lượng cách mạng và yêu nước không còn con đường nào khác, hơn lúc nào hết yêu cầu vũ trang tự vệ đặt ra một cách bức xúc nhất. Chỉ thị Trung ương Đảng ngày 7 tháng 5 năm 1959 đã nói đến việc thành lập các đội vũ trang tuyên truyền “*tiến hành vũ trang tự vệ gọn, nhẹ, bí mật, linh hoạt...*”, giải quyết phần nào yêu cầu bức xúc của miền Nam lúc bấy giờ, tuy rằng sau đó Bộ Chính trị nêu rõ “*chưa phải là lúc phát động chiến tranh du kích dù là cục bộ*”, “*hình thức đấu tranh căn bản để đánh bại chính sách khủng bố tàn bạo của địch vẫn là đấu tranh chính trị của quần chúng rộng rãi*”<sup>2</sup>.

Trong bối cảnh như vậy, trận tấn công phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG tại nhà máy của BIF - thị xã Biên Hòa (7-7-1959) nói lên sự chủ động, tích cực của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa<sup>3</sup>, tạo nên trận diệt Mỹ đầu tiên ở miền Nam, cổ vũ toàn Miền tư tưởng vũ trang tiến công trực tiếp vào cố vấn Mỹ.

Tuy nhiên, trong thời gian này, Đảng bộ Biên Hòa lại lâm vào tình thế cực kỳ khó khăn mới. Một số cán

---

<sup>1</sup> Tháng 5-1957, Diệm đưa luật này ra “quốc hội” nhưng không qua được (do dư luận trong mọi tầng lớp nhân dân phản đối mạnh), sau đó (1959) chúng thay bằng luật 10/59.

<sup>2</sup> Trích các điện văn của Trung ương các ngày 25, 29-9-1959. Lưu trữ: Cục Lưu trữ văn phòng Trung ương Đảng.

<sup>3</sup> Lực lượng thực hiện: 6 chiến sĩ thuộc đại đội 250 do Năm Hoa chỉ huy là mũi chủ công, lực lượng tự vệ mật thị xã do Bí thư Thị ủy Trương Văn Lễ chỉ huy làm nhiệm vụ vòng ngoài (kèm chế trung đội lính gác, chặn viện).

bộ trong đó có tên B. trưởng ban giao liên tỉnh (nguyên phó Bí thư huyện Vĩnh Cửu), HT. Bí thư Huyện ủy Long Thành (nguyên Bí thư Huyện ủy Tân Uyên) phản bội. Chỉ trong vòng mấy tháng (từ tháng 5 đến tháng 8-1959) hơn 300 cán bộ, đảng viên trong tỉnh bị địch bắt, trong đó có Bí thư Tỉnh ủy Ngô Bá Cao, lực lượng cách mạng tiếp tục bị tổn thất, nặng nhất là các cơ sở Đảng ở nội thành, nội thị. Cuối năm 1959, ở Biên Hòa chỉ còn một chi bộ Đảng bí mật ở Thái Hòa, một chi bộ ở xã Lý Lịch, còn lại là đảng viên lẻ. Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Lê Quang Chử làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, căn cứ tỉnh chuyển về Chiến khu Đ. Huyện ủy Vĩnh Cửu do Phó Bí thư thường trực Sáu Phong trực tiếp phụ trách. Huyện ủy tổ chức một bộ phận gồm đồng chí Phan Văn Trang, Lê Văn Trọng, Nguyễn Đông Châu do Thường vụ Huyện ủy Phan Văn Trang làm trưởng nhóm, phụ trách 6 xã: các đồng chí ở hầm bí mật, được dân đùm bọc, bảo vệ, đến đầu năm 1960 thành lập được chi bộ xã Tân Hiệp, phát triển được đảng viên, đoàn viên lẻ ở 5 xã khác.

## **2. Phổ biến và thực hiện Nghị quyết 15 Trung ương Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang làm đòn xeo, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy Đồng khởi**

Đầu tháng 7 năm 1959, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 15 đợt cuối, thông qua Nghị quyết (thường gọi Nghị quyết 15) *“về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà”*. Về phần cách mạng miền Nam, nghị quyết xác định mục tiêu *“đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ, thành lập một chính*

*quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam”<sup>1</sup>, với đường lối, biện pháp cơ bản là “khởi nghĩa giành chính quyền”<sup>2</sup>, “... lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang”<sup>3</sup>.*

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết 15, hội nghị Xứ ủy lần thứ 4 mở rộng (11-1959) đề ra nhiệm vụ trước mắt với mục tiêu “đánh đổ ách thống trị của địch”, nhưng vẫn xác định đấu tranh chính trị là chủ yếu, hoạt động vũ trang hạn chế ở mức vũ trang tuyên truyền. Tuy nhiên, trong tình thế bức xúc vũ trang đã bị dồn nén qua nhiều năm, yếu tố vũ trang trong Nghị quyết 15 đã làm bùng phát cuộc đồng khởi ở miền Nam trong đó nhân dân miền Nam đã đi trước cả Nghị quyết 15 lẫn Nghị quyết 4 của Xứ ủy, đồng thời bản thân Xứ ủy cũng đã chủ trương tạo một đòn quân sự để cổ vũ toàn Miền đồng khởi.

Tại Biên Hòa, đầu tháng 2 năm 1960 tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa triệu tập hội nghị mở rộng để triển khai Nghị quyết 15 và Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy lần thứ 4.

Triển khai đồng khởi trong tình thế hết sức khó khăn qua nhiều tổn thất đặc biệt vào đợt gần cuối năm 1959, Tỉnh ủy vẫn xác định những thuận lợi cơ bản: ở huyện, xã vẫn còn một số cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng, quần chúng căm thù địch, lực lượng vũ trang

---

<sup>1,2</sup> Văn kiện Đảng toàn tập. Nxb CTQG, H. 2002. Tập 20 (1959).

<sup>3</sup> Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam. Tập 2, quyển I - Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự. Nxb QĐND, H.1988.

tuy nhỏ bé nhưng đã có từ tỉnh đến một số địa phương. Từ đó Tỉnh ủy chủ trương đồng khởi theo tinh thần, nội dung sau:

- Gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu hỗ trợ quần chúng vùng lên đấu tranh với địch. Hoạt động chủ yếu của lực lượng vũ trang là vũ trang tuyên truyền kết hợp hỗ trợ quần chúng diệt ác.

- Sử dụng lực lượng vũ trang ở địa bàn trọng điểm làm vết dầu loang và cử những phân đội chi viện cho những địa phương cần.

- Nơi nào có thực lực và điều kiện thì phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, trấn áp bọn phản cách mạng, giành quyền làm chủ.

- Vận động nam nữ tham gia cách mạng, xây dựng du kích xã, phát triển bộ đội huyện, tỉnh; phát triển lực lượng vũ trang qua đồng khởi.

Phương châm, phương pháp: hợp dân bắt bọn chỉ điểm, bọn đứng đầu các tổ chức phản động, bọn tề ấp... Bắt chúng tự thú và xin tha tội trước nhân dân, qua đó hạ uy thế địch. Diệt ác phải chọn lọc, không diệt tràn lan. Được Xứ ủy tăng cường một trung đội vũ trang, Tỉnh ủy xúc tiến ngay việc thành lập đơn vị vũ trang tập trung chính thức của tỉnh lấy tên là *đại đội 240* do Tỉnh ủy viên Nguyễn Văn Luông là chính trị viên, mặt khác chỉ đạo các huyện rút thanh niên các xã, khẩn trương tổ chức bộ đội địa phương huyện. Đơn vị tỉnh được sử dụng vào trọng điểm mở màn là 4 xã Chiến khu Đ (Thường Lan, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc). Các đơn vị vừa được



thành lập đều được xây dựng quyết tâm và quán triệt nhiệm vụ hỗ trợ quần chúng đấu tranh với địch, vừa chiến đấu vừa công tác vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy, phương châm “*diệt một rã mười*”.

Đầu tháng 3 năm 1960, với sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh bằng vũ trang tuyên truyền trấn áp phản cách mạng, nhân dân 4 xã Chiến khu Đ đồng loạt nổi dậy diệt ác (diệt 2 tên) giành quyền làm chủ, trên một diện tương đối rộng, tạo bàn đạp phát triển về hướng giáp ranh huyện Vĩnh Cửu.

Qua đợt mở màn đại đội 240 tăng quân số, Tỉnh ủy tách ra một trung đội tăng cường cho huyện Vĩnh Cửu, đồng thời cử Tỉnh ủy viên Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát, kiêm chính trị viên đại đội 240) trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy. Có bộ phận huyện ủy bám trụ ở đây (các đồng chí Năm Trang, Sáu Trọng, Đông Châu) cuộc nổi dậy ở huyện Vĩnh Cửu bùng phát vào cuối năm 1960. Bộ đội tỉnh chia hai: một mũi ở phía bắc sông Đồng Nai cặp tỉnh lộ 16, tiếp cận thị xã Biên Hòa; một mũi ở phía nam sông Đồng Nai cặp lộ 24 và sân bay Biên Hòa. Mở đầu diệt 1 ác ôn và 1 mật báo, thực hiện “*diệt một rã mười*”; vừa vũ trang tuyên truyền vừa phát triển lực lượng hoạt động quần chúng nổi dậy mạnh mẽ dưới các hình thức mít tinh, binh vận, tố cáo tội ác địch, cảnh cáo ác ôn, phá rã hệ thống tề xã, ấp; thanh niên tòng quân và gia nhập du kích mật.

Trong lúc đồng khởi ở Vĩnh Cửu đang diễn tiến, phó bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Trọng Cát (Ba Đắc) cùng

một tiểu đội vũ trang tiến xuống Long Thành. Ba tháng chuẩn bị đồng khởi ở đây tập trung vào việc xây dựng lực lượng vũ trang: thành lập bộ đội địa phương huyện - đơn vị 19-5, xây dựng các tổ du kích ở các xã (có 2 xã có hơn 1 tiểu đội).

Giữa tháng 8 năm 1960, lần lượt hai vụ diệt ác mở màn (diệt đại úy an ninh nha đặc cảnh miền Đông và 1 tên chỉ điểm) đã khơi dậy mạnh mẽ khí thế quần chúng toàn huyện. Tiểu đội vũ trang của tỉnh (đi cùng đồng chí Sáu Phát) được tăng cường cho huyện. Huyện đội được thành lập do Bí thư Huyện ủy (Sáu Phát) trực tiếp làm chỉ huy trưởng kiêm chính trị viên Huyện đội. Giữa lúc cuộc đồng khởi ở Biên Hòa đang tiếp tục, để tạo thuận lợi về chỉ đạo và hỗ trợ lực lượng lẫn nhau, Xứ ủy quyết định thành lập lại tỉnh Thủ Biên từ hai tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một hợp nhất (9-1960).

Sau khi thành lập tỉnh mới, cuộc đồng khởi trên địa bàn Biên Hòa vẫn tiếp tục dưới các hình thức vũ trang tuyên truyền, trấn áp hạ uy thế địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, phát huy những thắng lợi đã đạt được, hết sức coi trọng yêu cầu phát triển lực lượng mọi mặt, đặc biệt là lực lượng vũ trang. Phong trào phát triển mạnh mẽ nhất ở vùng giáp ranh huyện Vĩnh Cửu. Có nơi như ở Hóa An, trong một cuộc mít tinh lớn, tề ngụy phải nhận tội trước quần chúng, cam kết không làm tay sai cho Mỹ - Diệm.

Ở huyện Xuân Lộc, Bí thư Huyện ủy bị bắt, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban cán sự huyện, do đồng chí Chí Sanh làm Bí thư. Ban cán sự tổ chức 4 đội công tác

hoạt động ở 4 khu vực. Đến cuối năm 1960, phong trào huyện Xuân Lộc phát triển khá tốt, xây dựng được cơ sở xã, các sở cao su.

Những mặt chủ yếu đạt được cho đến cuối năm 1960 ở Biên Hòa là vượt tình thế hiểm nghèo, chuyển được thế từ chống đỡ sang tiến công kẻ thù, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, trong đó đặc biệt là sự phát triển lực lượng vũ trang, chưa thể nói là đã đồng bộ ba cấp nhưng đã có bộ đội tỉnh, 1 đơn vị bộ đội vũ trang huyện, lực lượng du kích chưa nhiều so với yêu cầu, nhưng xuất hiện trên diện rộng, bao gồm cả du kích mật ở nơi địch còn kiểm soát chặt chẽ. Đi đôi với phát triển về số lượng, các cấp ủy rất coi trọng xây dựng chất lượng, coi đây là mặt quyết định kết quả xây dựng lực lượng vũ trang. Để xây dựng chất lượng, trước hết là xây dựng lực lượng và tổ chức Đảng, Đoàn trong các đơn vị, xây dựng nền nếp, nội dung công tác đảng, công tác chính trị, lấy việc hoàn thành nhiệm vụ làm mục tiêu.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, trong khí thế cuộc đồng khởi 1960 trên toàn miền Nam đang phát triển mạnh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên bố thành lập nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân miền Nam chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển giai đoạn của cách mạng miền Nam: cuộc đồng khởi đang phát triển thành chiến tranh cách mạng.

Từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến cuối năm 1960, trong bối cảnh cách mạng miền Nam diễn biến từ đấu tranh chính trị từng bước có tự vệ vũ trang và vũ

trang tuyên truyền hỗ trợ tiến lên đồng khởi, quá trình xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa trải qua hai giai đoạn: trước và sau Nghị quyết 15. Trước Nghị quyết 15, Tỉnh ủy Biên Hòa và các cấp ủy địa phương Biên Hòa luôn đứng trước tình thế chung trên toàn miền Nam là mâu thuẫn giữa đường lối của Đảng đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, với yêu cầu bức xúc vũ trang tự vệ, tự cứu trước sức đàn áp khốc liệt của kẻ thù. Mâu thuẫn đó dẫn đến quá trình đấu tranh nội bộ ở mọi cấp, giữa hai ý kiến vũ trang hay không vũ trang, đồng thời trước yêu cầu bức xúc đó, thực tế tất yếu đã diễn ra là phong trào tự vệ vũ trang từ tự phát đến sự hình thành lực lượng vũ trang tuyên truyền có lãnh đạo từ các cấp ủy Đảng bộ địa phương, tuy không ngăn chặn được tổn thất nhưng có hạn chế tổn thất, đồng thời vừa hỗ trợ đấu tranh chính trị vừa không phá vỡ đường lối Đảng đấu tranh bằng phương pháp hòa bình. Trong hoàn cảnh như vậy, bên cạnh tác động từ yêu cầu bức xúc của quần chúng và các Đảng bộ cấp dưới, về mặt lãnh đạo Tỉnh ủy Biên Hòa chịu ảnh hưởng từ hai phía: sự lãnh đạo đường lối nhất quán của Liên Tỉnh ủy miền Đông là chấp hành nghiêm đường lối hòa bình của Đảng, tránh “manh động”; sự chỉ đạo của Xứ ủy cùng trên tinh thần đó nhưng lại kèm những chủ trương linh hoạt, tích cực từ việc lợi dụng mâu thuẫn Pháp - Mỹ (biểu hiện qua việc Diệm thanh trừng Bình Xuyên, giáo phái) dẫn đến việc xây dựng những đơn vị vũ trang cách mạng ngụy trang Bình Xuyên, giáo phái đến việc sớm xây dựng căn cứ và những đơn vị vũ trang Miền. Những điều nói trên giải thích cho việc tỉnh Biên Hòa có căn cứ, có đơn vị vũ trang tương đối sớm, có hoạt động vũ

trang tuyên truyền trước đồng khởi bên cạnh một số vụ diệt ác và khi đồng khởi được phát động thì lực lượng vũ trang phát triển tương đối nhanh. Xây dựng lực lượng vũ trang trong tình thế như vậy, trình độ nhận thức, bản lĩnh của các cấp ủy, cán bộ chỉ huy giữ vai trò trực tiếp quyết định nền nếp nội dung công tác đảng, công tác chính trị với yêu cầu độc đảm từng bộ phận, từng đơn vị.

Cuộc Đồng khởi năm 1960 ở Biên Hòa khởi đầu trong tình thế cực kỳ hiểm nghèo vào cuối năm 1959 nhưng có kế thừa một phần từ sự “đi trước” về mặt vũ trang trong giai đoạn đấu tranh chính trị, từ đó đặc biệt coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang đồng thời trong khó khăn Tỉnh ủy vẫn phát hiện và phát huy triệt để những yếu tố thuận lợi và quán triệt đầy đủ cho các đơn vị vũ trang, như lực lượng Đảng tổn thất nặng nhưng chưa mất hết, dân căm thù chế độ Mỹ - Diệm, cơ sở cách mạng vẫn còn, lực lượng vũ trang đã có tuy còn nhỏ bé... Trong triển khai thực hiện, Tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị chu đáo, nắm chắc tình hình cụ thể từng khu vực để chọn điểm và diện; xác định phương thức tiến công nổi dậy chủ yếu bằng vũ trang tuyên truyền kết hợp diệt ác phù hợp với khả năng của lực lượng vũ trang đang có, sát hợp từng hoàn cảnh địa phương; xác định phương châm đúng đắn như trừng trị ác ôn có chọn lọc, trừng trị kết hợp thuyết phục, thực hiện “đánh một, rã mười”... quán triệt đầy đủ nhiệm vụ và tinh thần trên cho lực lượng vũ trang, và đặc biệt quan trọng là vừa đồng khởi vừa xây dựng lực lượng. Với những ưu điểm trên, từ tình thế cực kỳ khó khăn, Tỉnh ủy và Đảng bộ

Biên Hòa đã đưa phong trào tiến công và nổi dậy trong tỉnh tiến kịp phong trào chung trên toàn Nam Bộ, đồng thời phát triển được lực lượng vũ trang qua đồng khởi.

Trong thời kỳ đấu tranh chính trị tiến lên đồng khởi, quá trình nhen nhóm lại lực lượng vũ trang cho thấy vai trò quan trọng của công tác đảng, công tác chính trị. Tuy rằng lúc bấy giờ chưa có hệ thống tổ chức đảm bảo việc này, nhưng quá trình đó đã hiện lên những yêu cầu và đã thực hiện được những mặt quan trọng nhất: Đảng lãnh đạo, vai trò cán bộ, hoạt động công tác chính trị tư tưởng. Từ những người không chịu nổi sự áp bức, trong đó đặc biệt là những người kháng chiến cũ, cơ sở cách mạng, quần chúng yêu nước... đã ra rừng, được Đảng tập hợp lại thành tổ chức tự vệ, sản xuất tự túc, xây dựng căn cứ, bung ra công tác quần chúng để xây dựng phong trào... Đảng viên trực tiếp nắm từng tổ, đội cho đến trung đội,... đến những năm 1959, 1960 đã có tổ Đảng, chi bộ trong các nhóm đó. Vai trò đảng viên, cán bộ thời kỳ này có ý nghĩa quyết định. Đảng viên, cán bộ gương mẫu, nói và làm đi đôi, quần chúng noi theo: gương mẫu trong đối đầu với địch, trong công tác quần chúng, trong sản xuất tự túc, cùng chiến sĩ bắt cá, mò cua, hái rau đào củ, vui buồn có nhau, chia xẻ nhau từng nắm cơm, điều thuốc... Họ phần lớn từng trải trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nội dung hình thức công tác đảng, công tác chính trị được thừa kế từ thời kỳ này, đồng thời có “tự biên tự diễn” theo kinh nghiệm bản thân cho phù hợp với hoàn cảnh mới đầy thử thách có tính sống còn, yêu cầu đặt ra rất cao về nhận

thức, tư tưởng, đặc biệt là quyết tâm, khí tiết cách mạng, lòng tin, lạc quan trước mọi thử thách.

## **II. THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG BA CẤP, LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGỤY (1961-1965)**

**1. Xây dựng hệ thống cơ quan chính trị trong lực lượng vũ trang tỉnh. Triển khai các nội dung công tác đảng, công tác chính trị trong đấu tranh chống chương trình bình định và kế hoạch “áp chiến lược” của địch**

Với cuộc Đồng khởi 1960,<sup>1</sup> cách mạng miền Nam đã chuyển thế từ giữ gìn lực lượng sang tiến công địch và chuyển nhiệm vụ cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa vũ

---

<sup>1</sup> Cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về nhiệm vụ cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, Chỉ thị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (31-1-1961) về “Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam” xác định: “Đẩy mạnh hơn nữa về đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự”. Chỉ thị Bộ Chính trị nêu rõ tinh thần, nội dung chiến lược mới là “hai chân, ba mũi, ba vùng”: “hai chân” chính trị quân sự song song; ba mũi “giáp công” chính trị, quân sự, binh vận; ba vùng “giáp kích” đô thị, nông thôn, rừng núi, trong đó liều lượng chính trị, quân sự trong sự kết hợp hai chân ba mũi có sự ứng biến sát hợp với từng vùng tùy thuộc tương quan thế và lực ta địch. Riêng về mặt quân sự, Chỉ thị chỉ rõ: đấu tranh vũ trang trước đây cốt để tự vệ nay cần nâng lên tiến công tiêu diệt sinh lực địch, vì vậy phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang đủ mạnh, đồng bộ ba thứ quân.

trang từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chiến lược mới của Mỹ mang tên “*chiến tranh đặc biệt*”.

Để đáp ứng yêu cầu về lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở miền Nam trong giai đoạn mới. Bộ Chính trị ra Nghị quyết “về thống nhất cơ quan chỉ đạo cách mạng ở miền Nam (23-1-1961) - thành lập Trung ương Cục thay cho Xứ ủy Nam Bộ<sup>1</sup>. Đến tháng 10 năm 1961, Trung ương Cục được chính thức thành lập. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được chỉ định làm Bí thư đầu tiên. Về xây dựng lực lượng vũ trang, cuối năm 1961, Quân ủy Trung ương ra chỉ thị “Thành lập Quân giải phóng miền Nam”. Chỉ thị xác định phương châm trước mắt về xây dựng Quân giải phóng là “*Lấy việc xây dựng các đơn vị tập trung làm chủ yếu, đồng thời hết sức coi trọng việc xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích*”<sup>2</sup>. Ngày 15 tháng 2 năm 1961, tại căn cứ Chiến khu Đ, Trung ương Cục tổ chức hội nghị quân sự để thống nhất các lực lượng vũ trang ở miền Nam thành Quân giải phóng. Tại buổi lễ ra mắt, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trao cho Quân giải phóng miền Nam lá quân kỳ mang dòng chữ “*Giải phóng quân anh dũng chiến thắng*”.

Năm 1961, cùng với việc thành lập Ban quân sự Miền, các quân khu trên chiến trường miền Nam được thành lập. Trên chiến trường Đông Nam Bộ có Quân

---

<sup>1</sup> Phạm vi trách nhiệm của Trung ương Cục lúc đầu là từ vĩ tuyến 17 trở vào, sau đó xác định lại là Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ.

<sup>2</sup> *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*. Tập 2, quyển I Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự. Nxb QĐND, H.1988.



khu miền Đông (Quân khu 7, T7), Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Quân khu miền Đông do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên làm Tư lệnh; Mai Chí Thọ làm Chính ủy; Nguyễn Việt Hồng làm Chủ nhiệm Chính trị. Khu ủy miền Đông do đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư.

Hệ thống cơ quan quân sự từ tỉnh đến xã lần lượt được thành lập. Các cơ quan quân sự đều có chỉ huy trưởng và chính trị viên, bên cạnh các bộ phận tham mưu, hậu cần, có bộ phận hoặc trợ lý chính trị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác chính trị; về tổ chức Đảng, cơ quan quân sự cấp tỉnh có Ban cán sự, cấp dưới tỉnh có cấp ủy, có nhiệm vụ công tác đảng trong lực lượng vũ trang.

Tháng 7 năm 1961, Xứ ủy Nam Bộ lại quyết định tách tỉnh Thủ Biên thành ba tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Phước Thành. Tỉnh Biên Hòa được tổ chức lại bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, thị xã Biên Hòa. Tỉnh được thành lập trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Ban chấp hành Tỉnh ủy được Xứ ủy chỉ định: đồng chí Lê Quang Chử làm Bí thư<sup>1</sup>. Việc cử Tỉnh ủy viên làm chính trị viên tỉnh đội đã thể hiện một phần cơ chế Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang. Ban quân sự tỉnh: đồng chí Nguyễn Thanh Bình (Tư Bình) - Trưởng ban; Nguyễn Văn Luông, (tỉnh ủy viên) - Chính trị viên. Chính trị viên phụ trách công tác chính trị, lãnh đạo tư tưởng, có ban chính trị giúp việc (lúc bấy giờ chưa tổ chức Ban cán sự tỉnh đội). Đại đội

---

<sup>1</sup> Phó Bí thư Nguyễn Trọng Cát (Ba Đắc). Các tỉnh ủy viên: Mười Nghĩa (nữ), Nguyễn Văn Luông.

380 được chia ba để làm nòng cốt xây dựng 3 đại đội độc tập trung của tỉnh. Tỉnh Biên Hòa được giữ lại 40 người để xây dựng đại đội 240. Để xây dựng, phát triển đơn vị, công tác chính trị ở đại đội 240 lúc bấy giờ bên cạnh những nội dung về bản chất cách mạng, xây dựng lực lượng và tổ chức Đảng, Đoàn, đơn vị tập trung xây dựng tư tưởng lấy ít thắng nhiều, đánh địch lấy súng địch.

Nhìn chung, khó khăn lớn nhất của tỉnh Biên Hòa lúc bấy giờ là chưa có xã hoàn toàn giải phóng. Trong bối cảnh như vậy, đại đội tỉnh chỉ có 40 người, mỗi huyện chỉ có khoảng một tiểu đội. Tỉnh ủy đặt yêu cầu trước mắt năm 1962 tỉnh đại đội đầy đủ, mạnh; huyện có trung đội bộ đội địa phương, xã có tiểu đội du kích.

Nội dung chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là tiến hành chiến tranh tiêu diệt cách mạng miền Nam bằng chính quyền và quân đội tay sai do Mỹ xây dựng, nuôi nấng, trang bị chỉ đạo, chỉ huy, với biện pháp cơ bản là quốc sách “áp chiến lược”. Trước mắt, chúng triển khai kế hoạch mang tên Staley-Taylor (tên các tác giả đã xây dựng kế hoạch này) nhằm lập 16.000 ấp chiến lược trên toàn miền Nam, bình định giành thắng lợi quyết định trong 18 tháng (từ giữa 1961 đến cuối 1962).

Ở Biên Hòa, Long Khánh, địch phân bố lại địa giới<sup>1</sup> hành chánh các quận, xã, thành lập thêm một số quận

---

<sup>1</sup> Tháng 4-1961, Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh giải tán các quân khu, thành lập các vùng chiến thuật, các khu chiến thuật, trong đó khu chiến thuật 31 gồm các tỉnh miền Đông Nam Bộ (riêng Sài Gòn gọi là biệt khu thủ đô).

mới, một số đặc khu, yếu khu quân sự trên những địa bàn trọng yếu như yếu khu Trảng Bom, Thành Tuy Hạ, yếu khu Gia Ray, yếu khu Cẩm Mỹ và đặc khu Rừng Sác.

Chúng thành lập biệt khu Phước Biên bao gồm 3 tiểu khu Biên Hòa, Phước Tuy và Long Khánh thuộc vùng 3 chiến thuật, tạo thành thế “chân kiềng” Biên Hòa - Long Khánh - Vũng Tàu. Chúng củng cố và mở rộng hàng chục căn cứ, hậu cứ, các trung tâm đào tạo, huấn luyện sĩ quan, hạ sĩ quan, thám báo, biệt kích, cán bộ bình định... Tỉnh Biên Hòa nằm sát nách Sài Gòn, tiếp giáp với Chiến khu Đ - căn cứ địa cách mạng của miền Đông Nam Bộ, Mỹ - ngụy tập trung lực lượng mạnh, xây dựng hệ thống các căn cứ quân sự như Bộ chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, nha cảnh sát miền Đông... xây dựng hệ thống đồn bót kiên cố dày đặc trên các trục lộ giao thông 1, 15, 20, 24... và các địa bàn xung yếu, từng bước mở rộng sân bay Biên Hòa thành căn cứ không quân chiến lược, sân bay quân sự của Mỹ - ngụy lớn nhất ở miền Nam.

Trận Phước Thành (9-1961), lần đầu tiên ở miền Nam, Quân giải phóng đánh chiếm một tỉnh lỵ, tiêu diệt hoàn toàn tiểu khu quân sự của địch có tác động trực tiếp đến địa bàn tỉnh Biên Hòa, đặc biệt cổ vũ tinh thần lực lượng vũ trang Biên Hòa đồng thời cho một phác họa về công tác đảng, công tác chính trị trước, trong và sau chiến đấu.

Phát huy chiến thắng Phước Thành, bộ đội tỉnh, huyện, du kích xã ở Biên Hòa, ra quân những trận đầu

từ vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ như ở huyện Vĩnh Cửu đến tiến công địch như trận đại đội 240 tiến công yếu khu Trảng Bom. Long Thành, Nhơn Trạch là hai huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, kết hợp được ba mũi chính trị, quân sự binh vận, từ một địa bàn hầu như bị mất trắng cơ sở cách mạng vào những năm địch “tố cộng - diệt cộng”, đến cuối năm 1961 cơ sở cách mạng được hồi phục và phát triển, lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng (mỗi huyện 1 trung đội bộ đội địa phương, mỗi xã có 1 đến 2 tiểu đội).

Ở thị xã Biên Hòa, thực lực cách mạng dân được hồi phục và củng cố, trong đó các đội du kích mật, tự vệ mật.

Ở Long Khánh, đầu năm 1962 Ban cán sự tỉnh và Ban quân sự tỉnh<sup>1</sup> được thành lập (Bí thư Lê Văn Thuận, phụ trách Ban quân sự), thống nhất các cơ sở vũ trang của khu và của tỉnh Bà Rịa hoạt động trên địa bàn huyện Xuân Lộc thành lập trung đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh với 50 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Ba Thái phụ trách; khu vực Định Quán có đội vũ trang tuyên truyền 150 do Phạm Lạc phụ trách.

Như vậy đến đầu năm 1962, mặc dù có những khó khăn ban đầu, thực lực cách mạng trong đó có lực lượng vũ trang địa phương ba cấp đã được xây dựng đều khắp trên các địa phương hai tỉnh Biên Hòa, Long

---

<sup>1</sup> Tỉnh Long Khánh được ngụy quyền thành lập năm 1957 gồm hai quận Xuân Lộc và Định Quán. Sau này định lập thêm quận Kiệm Tân.

Khánh. Lực lượng vũ trang vừa chiến đấu vừa công tác, đặc biệt là công tác quần chúng, vừa chiến đấu vừa hoạt động vũ trang tuyên truyền, bước đầu thể hiện vai trò nòng cốt của phong trào chiến tranh nhân dân. Để xây dựng lực lượng vũ trang, những nội dung trung tâm được đặt ra lúc bấy giờ là: phát triển Đảng, Đoàn, xây dựng tổ chức Đảng trong các đơn vị; xây dựng bản chất cách mạng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chính trị; nêu cao vai trò cán bộ, đảng viên. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, trường Quân sự địa phương tỉnh Biên Hòa được thành lập (1962). Căn cứ đầu tiên của trường được xây dựng tại cây số 6 Trảng. Hiệu trưởng là Hai Mùi (tập kết về), chính trị viên là Tư Kinh (Tỉnh ủy cử).

Từ giữa năm 1961 đến cuối năm 1962 là thời điểm địch tập trung triển khai kế hoạch bình định lập ấp chiến lược hết sức quyết liệt nhằm hoàn thành kế hoạch Staley-Taylor.

Được Mỹ góp sức người (từ 2.000 cố vấn năm 1960 lần lượt tăng hàng năm, lên 26.000 cố vấn và quân yểm trợ năm 1964) và vũ khí ngày càng lớn<sup>1</sup>, quân nguy dốc toàn lực từ chủ lực tới dân vệ, cảnh sát vào công cuộc bình định lập ấp chiến lược. Tuy kế hoạch này có nguy cơ không đạt, nhưng trước mắt chúng thành lập được hệ thống ấp chiến lược quy mô trên toàn miền Nam, mở

---

<sup>1</sup> Ngày 8-2-1962, Mỹ thành lập "Bộ chỉ huy viện trợ quân sự" MACV trùm lên phái bộ viện trợ và cố vấn quân sự MAAG, thực chất nó là Bộ Tư lệnh tiền phương của liên quân Mỹ ở Đông Nam Á.

rộng quyền kiểm soát, ta lúng túng trước thủ đoạn bình định gom dân của chúng và cả trong biện pháp phá ấp chiến lược. Ở Biên Hòa, Long Khánh, địch tùy theo tình hình, đặc điểm dân cư mà xây dựng nhiều loại hình ấp khác nhau: vùng nông thôn, rừng núi, vùng giáp ranh, vùng thị xã, thị trấn, vùng đồn điền cao su, vùng đồng bào di cư thiên chúa giáo, vùng đồng bào dân tộc Hoa, Nùng... Thực tế ấp chiến lược là những trại tập trung mà việc khống chế dân có sự kết hợp cấu trúc phòng thủ và bộ máy kèm kẹp rất chặt.

Có thể nói, với “quốc sách ấp chiến lược”, Mỹ và tay sai thực hiện một âm mưu chiến lược, một cuộc phản kích thâm độc, toàn diện sau cuộc đồng khởi 1960. Lúc đầu ta chưa nhận thức đầy đủ những điều đó nên chủ trương đối phó còn chung chung, thiếu cụ thể, chưa kịp thời và điều này có ảnh hưởng đến việc xây dựng, sử dụng lực lượng vũ trang trong phương châm, phương thức phá ấp chiến lược.

Chỉ thị 14 của Trung ương Cục (1-1962) nêu rõ: phải thấy âm mưu thâm độc của địch về ấp chiến lược, tích cực, khẩn trương đối phó, không chủ quan, không hời hợt mất cảnh giác. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục, tháng 5 năm 1962 Khu ủy miền Đông ra nghị quyết về công tác quân sự. Nghị quyết xác định phương châm *đánh nhỏ, ăn chắc, đánh nhanh, giải quyết nhanh, thiết thực hỗ trợ phong trào phá ấp chiến lược*.

Thường vụ Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu quyết

định kiện toàn Ban quân sự tỉnh<sup>1</sup>. Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lái Thiêu tỉnh Thủ Dầu Một - Phan Văn Trang (Năm Trang) về nhận nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa làm Trưởng ban Quân sự. Phó ban: Nguyễn Thanh Bình, Phó ban Tham mưu trưởng Nguyễn Hồng Phúc (từ Ban Tham mưu Quân khu về). Tổ chức Đảng trong cơ quan quân sự tỉnh được thành lập gọi là Ban cán sự, do đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư.

Tỉnh ủy Biên Hòa ra nghị quyết: Kết hợp chặt chẽ ba mũi chính trị, quân sự, binh vận đánh địch bình định, phá ấp chiến lược... phải phá đi phá lại nhiều lần. Trong giai đoạn này, nội dung công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Biên Hòa cũng như trên toàn chiến trường tập trung vào nhiệm vụ phá ấp chiến lược với phương châm "*địch còn ta đánh trả, chống còn, địch lập ấp chiến lược ta phá ấp chiến lược*". Phải quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ âm mưu địch, nội dung, tính chất của nhiệm vụ - một cuộc chiến đấu giằng co, phối hợp nhiều mặt. Bố trí lực lượng vũ trang diệt cho được bọn đầu sỏ; lực lượng bình định, phát động quần chúng trấn áp bọn phản cách mạng. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tổ chức Đảng, Đoàn, các đoàn thể. Vận động phong trào tòng quân, tài chính nuôi quân.

---

<sup>1</sup> Đầu năm 1962, Khu ủy miền Đông quyết định củng cố, sắp xếp bộ máy lãnh đạo tỉnh Biên Hòa, trong đó *Bí thư Tỉnh ủy* - Nguyễn Trọng Cát, *Phó Bí thư* - Nguyễn Sơn Hà (Năm Trị). 5 tháng sau, đồng chí Nguyễn Trọng Cát về Khu, Nguyễn Sơn Hà - Bí thư.

Triển khai Nghị quyết Tỉnh ủy, Ban quân sự tỉnh quán triệt nhiệm vụ lực lượng vũ trang nhận rõ yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm lúc bấy giờ là phá áp chiến lược, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, xã phải kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể phát động quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược. Thực hiện vai trò “đòn xeo”, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang lúc bấy giờ là đánh địch, buộc chúng phải co thun trong các đồn bót, tạo điều kiện cho nhân dân làm chủ xóm ấp.

Về xây dựng lực lượng: Phấn đấu đơn vị tỉnh có đủ một đại đội (ba trung đội), mỗi huyện có một trung đội mạnh; về du kích: xã yếu ít nhất phải có một tổ, xã tranh chấp vừa phải có một bán đội, xã tranh chấp mạnh phải có một bán đội. Tổ chức tự vệ mật, an ninh bên trong áp chiến lược phục vụ cho bên ngoài đánh đúng đối tượng.

Về phương hướng công tác chính trị tư tưởng lực lượng vũ trang, thực hiện văn bản hướng dẫn ngày 25 tháng 6 năm 1962 Tổng cục Chính trị trong đó lần nữa xác định: về bản chất, Quân giải phóng miền Nam là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam... Phải quán triệt nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, trực tiếp đối với quân đội. Phải thường xuyên giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt đường lối; chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng, làm cho cán bộ, chiến sĩ dần hiểu rõ nguyên tắc trên.

Ngày 30 tháng 7 năm 1962, Khu ủy và Quân Khu ủy miền Đông ra chỉ thị phát động phong trào thi đua 6



tháng cuối năm 1962 trong toàn thể lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh miền Đông, với nội dung toàn diện, chiến đấu, sản xuất và xây dựng lực lượng. Chỉ thị nêu mấy vấn đề cần quan tâm trong lãnh đạo phong trào thi đua, trong đó xác định phải hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng và phong trào thi đua chỉ có thể phát triển trên cơ sở giác ngộ và trên tinh thần yêu nước căm thù địch của quần chúng; phải biến được nội dung yêu cầu, chỉ tiêu thi đua thành quyết tâm của quần chúng tự giác thực hiện.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, qua quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự tỉnh Biên Hòa năm 1962, công tác đảng, công tác chính trị góp phần quan trọng về xây dựng và thực hiện nhiệm vụ lực lượng vũ trang. Phong trào đấu tranh ba mũi được phát động rộng khắp, trong đó lực lượng vũ trang luôn giữ vai trò đòn bẩy phong trào: các lực lượng tỉnh, huyện, xã đều thực hiện tốt nhiệm vụ diệt ác, trấn áp phản cách mạng, cùng nhân dân làm công tác binh vận.

Giữa năm 1962, Tỉnh ủy quyết định rút 1 tiểu đội lực lượng vũ trang của huyện Nhơn Trạch do đồng chí Cẩm làm tiểu đội trưởng, đưa sang Long Thành để xây dựng lực lượng tập trung huyện. Huyện ủy lãnh đạo chỉ đạo các chi bộ, du kích các xã, các đoàn thể phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kềm làm chủ ấp Hưng Định xã Tam An, ấp Phước Khánh xã Tam Phước và các ấp xã Long An, Lộc An, Bà Ký (Long Phước) vận động thanh niên đi bộ đội. Chỉ trong một thời gian ngắn trong năm 1962, vừa đánh địch lấy súng trang bị cho lực

lượng huyện, vừa vận động thêm tân binh, huyện Long Thành xây dựng được 1 trung đội vũ trang.

Phong trào đã mở ra cho các huyện Long Thành và Nhơn Trạch, cho tỉnh Biên Hòa phương hướng chỉ đạo sát đúng trong việc vận dụng sáng tạo 3 mũi giáp công đánh địch, phá ấp chiến lược, giải phóng xã ấp.

Ở huyện Vĩnh Cửu, địch tập trung xây dựng hệ thống đồn bót dày đặc để bảo vệ vành đai sân bay Biên Hòa và các hậu cứ quân sự của chúng, huyện chủ trương tập trung lực lượng phá ấp chiến lược Đại An (địch xây dựng ở đây “ấp kiểu mẫu”) để làm “vết dầu loang”, bộ đội huyện (C270) hỗ trợ đắc lực cho việc bao bố, tiêu hao địch cho nhân dân phá ấp chiến lược bung ra; xây dựng hệ thống cơ sở tiếp cận hậu cứ, căn cứ quân sự địch.

Thị xã Biên Hòa còn nhiều khó khăn nhưng thực lực cách mạng, trong đó có tự vệ mật, vẫn phát triển. Các xã ngoại ô, ngoài du kích thoát ly còn ít nhất một tiểu đội du kích, tự vệ mật bên trong. Lực lượng tự vệ mật được sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của Thị ủy. Đến cuối năm 1962, cả ba cánh của thị xã (CZ1, CZ2, CZ3) đều được bổ sung lực lượng, mỗi cánh có từ 10 đến 15 cán bộ chiến sĩ. Du kích mật, tự vệ mật, các cánh “mũi nhọn” đều được tập trung xây dựng theo hướng lực lượng tinh nhuệ giỏi công tác quần chúng, biết xây dựng “căn cứ lòng dân”.

Ở khu vực di cư Hồ Nai, vùng đồng bào dân tộc, để mở rộng hoạt động, đầu năm 1962, Ban cán sự di cư thành lập thêm hai đội vũ trang tuyên truyền (ngoài đội

vũ trang tuyên truyền ở Đồng Lách thành lập tháng 3-1961). Đội vũ trang tuyên truyền phụ trách khu vực Thanh Hóa, Bùi Chu, Bắc Hòa, Tân Bắc do đồng chí Chín Ninh phụ trách cùng các đồng chí Bảy Chặng, anh Chiến. Đội vũ trang tuyên truyền phụ trách Bàu Hàm do đồng chí Ba Rịch phụ trách, có các anh Ba Quang, anh Vây, anh Dũng.

Ban cán sự Đảng tổ chức học tập cho các đội vũ trang tuyên truyền về đường lối, chính sách tôn giáo, xác định đối tượng công tác mà Đảng giao là vận động đồng bào có đạo công giáo, đồng bào dân tộc Nùng. Các cán bộ, chiến sĩ phải kiên trì, nhẫn nại, phương pháp công tác khéo léo đi từng bước như quan hệ làm quen, khơi gợi tình cảm quê hương, cùng cuốc đất, đánh tranh, làm rẫy với dân, hướng dẫn đồng bào dân tộc cách làm đất, thuê trâu từ Tân Định (Vĩnh Cửu) qua Đồng Lách giúp dân cày đất... Ban đêm, cán bộ, chiến sĩ đến từng chòi đồng bào ở lại để tuyên truyền chính sách, từng bước giác ngộ cho dân, đến giữa năm 1962, Ban cán sự di cư đã xây dựng, đưa được một số cơ sở cốt cán ra lực lượng lộ bên ngoài; xây dựng được các cơ sở cốt cán bên trong; tổ chức hơn 60 đồng bào Nùng Bàu Hàm vào Hội nông dân. Nhờ những cơ sở cốt cán này, Ban cán sự di cư giải quyết được vấn đề lương thực cho lực lượng tại chỗ và đóng góp cho lực lượng tỉnh. Để hỗ trợ phong trào quần chúng, cuối năm 1962, các đội vũ trang tiến hành diệt tên Hứa, trưởng ấp Thanh Bình (Đồng Lách), tên Hồi (người Nùng) công an, đã chỉ điểm cho địch bắt đồng chí Vi Văn Chốm.

Xây dựng được cơ sở ở khu vực đồng bào giáo dân công giáo và dân tộc Nùng là một thắng lợi rất lớn của sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, của Ban cán sự di cư và nỗ lực kiên trì, to lớn của cán bộ chiến sĩ các đội vũ trang tuyên truyền; thể hiện đường lối, chính sách tôn giáo, dân tộc đúng đắn của Đảng đã thâm nhập được trong dân. Cán bộ, chiến sĩ ở đây đều giỏi về công tác vận động quần chúng.

Ở vùng đồn điền cao su, tháng 3 năm 1962, Tỉnh ủy rút Tư Liêm. Huyện thành lập 4 đội vũ trang tuyên truyền ở Bình Sơn, An Viễn, Kho Bạc, Sihp. Đầu tháng 7, Tỉnh ủy đưa Nguyễn Thanh A (Hai A) về và thành lập Ban cán sự cao su gồm: Hai, Bí thư; Huỳnh Thị Phượng và Ba Sơn, thành lập các đơn vị công tác ở hầu hết các đồn điền. Mỗi đội công tác từ 3 đến 5 người.

Trong quá trình công tác, chiến đấu gian khổ, lực lượng vũ trang các đội vũ trang tuyên truyền Ban cán sự di cư trải qua những thiệt hại nặng. Cuối năm 1962, đội vũ trang tuyên truyền khu vực Thanh Hóa, Bùi Chu và Bàu Hàm bị địch phục kích, các đồng chí chủ chốt trong đội đều hy sinh. Tháng 6 năm 1963, Văn Công Văn về tỉnh nhận nhiệm vụ mới, Lê Văn Triết làm Bí thư Ban cán sự di cư.

Kết quả về xây dựng lực lượng vũ trang cho đến cuối năm 1962 ở tỉnh Biên Hòa: tỉnh có đại đội (C240); các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa đều có từ 1 đến 2 trung đội bộ đội địa phương; Ban cán sự cao su Bình Sơn có trung đội 207; Ban cán sự di cư có đội vũ trang tuyên truyền. Hầu hết các xã nông thôn,

các đồn điền cao su đều có ít nhất một bán đội du kích.

Ở Long Khánh, năm 1962 lực lượng vũ trang gồm: tỉnh có một trung đội (từ đầu năm), huyện Xuân Lộc có một trung đội (10-1962) và đội võ trang tuyên truyền; các huyện Định Quán, Cao Su đều có đội võ trang tuyên truyền; các xã có du kích hoặc đội võ trang tuyên truyền. Các đơn vị vũ trang cũng như các đội võ trang tuyên truyền đều thực hiện hai nhiệm vụ tiến công địch và võ trang tuyên truyền. Năm 1962, trung đội tỉnh Long Khánh phối hợp với một bộ phận Tiểu đoàn 500 (của Khu) diệt một đại đội địch ở Tà Lú (Mây Tàu). Phong trào chiến tranh du kích mạnh tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang phát triển nhanh.

Tháng 10 năm 1962, Khu ủy, Quân khu miền Đông tổ chức hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm chống địch gom dân lập ấp chiến lược. Về vai trò của lực lượng vũ trang trong công tác này, hội nghị rút ra nhiều kinh nghiệm, trong đó khẳng định phải có hoạt động vũ trang phối hợp thì mới tạo được thế và chỗ dựa tâm lý cho quần chúng trong chống phá ấp chiến lược; muốn hoạt động vũ trang được phải tạo bàn đạp bao gồm xã chiến đấu bên ngoài và cơ sở bên trong ấp chiến lược, nắm vững địch tình; lực lượng phá kềm, phá ấp chiến lược chủ yếu là của thôn xã, các lực lượng trên chi viện khi cần thiết là quan trọng; phải biết khai thác mâu thuẫn nội bộ địch.

Vận dụng kinh nghiệm từ hội nghị trên, các cấp ủy địa phương Biên Hòa, Long Khánh căn cứ vào vị trí và so sánh lực lượng ta địch mà đề ra yêu cầu, mức độ, hình thức lẫn nội dung đấu tranh toàn diện kết hợp

chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và từ đó có phương châm, phương án sử dụng các đơn vị vũ trang.

Để nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang, đồng thời động viên tư tưởng, xây dựng quyết tâm, quán triệt quan điểm công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang giai đoạn cách mạng mới, Trung ương Cục chỉ đạo Ban quân sự Miền tổ chức hội nghị công tác đảng, công tác chính trị lần thứ nhất Quân giải phóng miền Nam (từ 13-16.11.1962). Sau khi kiểm điểm ưu khuyết, đánh giá chất lượng Quân giải phóng miền Nam, bản báo cáo trung tâm khẳng định vai trò của Quân giải phóng miền Nam, tuy mỗi địa phương có đặc điểm khác nhau trong quá trình hình thành, nhưng lực lượng vũ trang giải phóng có chung “tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, tay không giết giặc, cướp súng địch xây dựng lực lượng..., đã góp phần đáng kể trong thành tích chung của cách mạng miền Nam”.

Về phương hướng công tác đảng, công tác chính trị sắp tới, nghị quyết hội nghị xác định phải quán triệt nguyên tắc Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang, *nguyên tắc lấy công nông làm cốt cán* trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên tắc “*chính trị làm gốc tư tưởng dẫn đầu*”, từ đó xác định các mặt quan trọng nhất của công tác đảng, công tác chính trị, lãnh đạo tư tưởng; công tác tổ chức và công tác cán bộ; công tác dân vận. Để đảm bảo yêu cầu trên, yêu cầu về công tác tổ chức Đảng trong lực lượng vũ trang từ Ban cán sự tỉnh đến chi bộ, tổ Đảng, trong đó công tác chi bộ là mặt hoạt động cơ bản nhất.

Ở Biên Hòa, Long Khánh, thực tế những nội dung, tinh thần trên đã được quán triệt, triển khai một phần và ngày một sâu sắc hơn trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang và đặc biệt trong cuộc đấu tranh chống địch gom dân lập ấp chiến lược, giằng co quyết liệt nhất vào những tháng cuối năm 1962 đầu năm 1963, từ đó hạn chế một phần việc triển khai kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ - Diệm trên địa bàn hai tỉnh. Tuy nhiên, đối với địch đây là “quốc sách” có tính sống còn của chiến lược chiến tranh đặc biệt, bằng mọi giá chúng phải thực hiện bằng được; mặt khác về phía ta tuy thực lực có phát triển nhưng chưa đủ mạnh để phá dứt điểm được. Đến đầu năm 1963, địch đã hình thành được hệ thống ấp chiến lược trên địa bàn 2 tỉnh với 162 ấp ở Biên Hòa, 43 ấp ở Long Khánh, 70% nhân dân các làng xã nông thôn, công nhân các đồn điền cao su đã bị chúng dồn vào các “trại tập trung”. Đảng bộ và lực lượng hai tỉnh đứng trước một tình thế khó khăn nghiêm trọng mới: vùng giải phóng bị thu hẹp, xuất hiện những vành đai trắng ở vùng giáp ranh, nhiều nơi lực lượng kháng chiến không bám được dân, lực lượng vũ trang đột ấp thì có thương vong...

Để tạo điều kiện thuận lợi khắc phục khó khăn trên, tháng 3 năm 1963 Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông chủ trương sáp nhập hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên. Bí thư Tỉnh ủy mới là Nguyễn Sơn Hà (Năm Kiệm, Năm Trị). Ban chỉ huy Tỉnh đội mới gồm các đồng chí: Phan Văn Trang - Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm chính trị viên tỉnh đội, Nguyễn Thanh Bình (Tư Bình),

Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm tỉnh đội trưởng; Nguyễn Hồng Phúc và Út Hoạt tỉnh đội phó. Việc cử Phó Bí thư Tỉnh ủy làm chính trị viên cho thấy Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa đặc biệt quan tâm lực lượng vũ trang.

Trên toàn Miền, kế hoạch Staley-Taylor mà cốt lõi là kế hoạch “áp chiến lược” đến cuối năm 1962 về cơ bản không đạt yêu cầu (mới đạt 36% kế hoạch tức đạt 3.900/11.000 ấp) mặc dù địch đã làm được một số việc như phát triển quân đội Sài Gòn, thu hẹp vùng giải phóng (riêng ở miền Đông Nam Bộ ta mất 13 xã trong số 35 xã giải phóng). Bộ chỉ huy MACV buộc phải bổ sung, kéo dài kế hoạch bình định miền Nam 18 tháng, bằng kế hoạch “Tổng tấn công” để giành thắng lợi quyết định<sup>1</sup>.

Về phía ta, trước yêu cầu nhiệm vụ mới là phải đánh bại kế hoạch mới của địch, lực lượng vũ trang tuy có phát triển nhưng chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ. Để triển khai một kế hoạch toàn diện phá áp chiến lược, phải xây dựng lực lượng vũ trang đủ sức mạnh thực hiện những đòn quyết định hỗ trợ phong trào phá áp chiến lược, đánh bại hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Yêu cầu mới đặt ra rất cấp bách về công tác cán bộ. Tháng 1 năm 1963, Trung ương Cục ra chỉ thị về công tác cán bộ trong lực lượng vũ trang. Chỉ thị chỉ rõ

---

<sup>1</sup> Kế hoạch mang tên AN16 với hai hội dung chủ yếu là tăng số lượng, chất lượng quân Sài Gòn và tiếp tục đẩy mạnh lập áp chiến lược với thủ đoạn mạnh mẽ, kiên quyết hơn: khoanh vùng từng cụm năm sáu xã, dùng chiến đòn đánh phá liên tục ngày đêm, gom dân lập ấp, lập ấp nào tổ chức hoàn chỉnh bộ máy kèm kẹp ấp đó, hoàn thành toàn cụm chiến đoàn mới chuyển sang cụm khác.